

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM.....

Số:...../...../HD-NCKH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-UBND ngày 01/3/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
 - Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề cương Đề tài nghiên cứu khoa học năm 2012, họp ngày 12 tháng 4 năm 2012;
 - Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng... năm 20... của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt nội dung, kinh phí và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học năm 20...;
 - Căn cứ điều kiện và năng lực của các Bên;
- Hôm nay, ngày... tháng... năm 201..., tại Ủy ban Dân tộc (80 - 82 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà Nội) đại diện các bên gồm:

1. BÊN GIAO (BÊN A):

- Vụ Tổng hợp

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

- Văn phòng Ủy ban Dân tộc

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện Thoại:.....

Số Tài khoản:.....

Mã Quan hệ ngân sách:.....

2. BÊN NHẬN (BÊN B)

a) Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/dự án:.....

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

b) Chủ nhiệm Đề tài/dự án:

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Đề tài/dự án nghiên cứu khoa học năm..... (Sau đây gọi tắt là hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện đề tài/dự án

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện đề tài/dự án:..... theo các nội dung của đề cương đề tài đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban phê duyệt tại Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm.....

2. Thời gian thực hiện đề tài/dự án: Theo năm kế hoạch...

3. Kinh phí để thực hiện đề tài/dự án:..... (.....)

- Nguồn chi: kinh phí sự nghiệp khoa học năm..... của Ủy ban Dân tộc.

4. Hình thức cấp kinh phí: Tùy theo nội dung từng khoản chi sẽ chi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

5. Bên B nhận thực hiện đề tài/dự án trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Kiểm tra tình hình Bên B thực hiện đề tài theo các nội dung trong đề cương đề tài và bản dự toán kinh phí đã được thẩm định kèm theo Hợp đồng này.

b) Tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của bên B theo yêu cầu, chỉ tiêu trong đề cương chi tiết dự án được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....

tháng..... năm 20... của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt nội dung, kinh phí và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học năm..... (kèm theo Hợp đồng); thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c) Chuyển tiền cho Bên B số kinh phí quy định tại khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng.

d) Sau khi ký kết Hợp đồng, Bên A cấp tạm ứng cho Bên B theo tiến độ thực hiện đề tài và dự toán kinh phí được thẩm định.

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền những kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g) Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến khả năng không hoàn thành được đề tài/dự án.

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong đề cương đề tài/dự án dẫn đến kết quả của đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Đề cương đề tài.

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc đề tài không thể tiếp tục thực hiện được: không cấp đủ kinh phí thực hiện đề tài/dự án mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

b) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của đề tài/dự án đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong Đề cương đề tài đó được phê duyệt.

c) Khấu trừ tại nguồn thuế thu nhập cá nhân của các đối tượng phát sinh thu nhập trong đề tài/dự án theo quy định hiện hành.

d) Chấp hành các quy định của pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra đối với đề tài/dự án theo quy định.

e) Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

g) Báo cáo về tình hình thực hiện đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

h) Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc đề tài. Sau khi hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đánh giá, Bên B có trách nhiệm chuyển cho cơ quan quản lý khoa học của Ủy ban Dân tộc các tài liệu, sản phẩm nêu trong Đề cương đề tài và toàn bộ hồ sơ đó được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở để Vụ Tổng hợp tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu chính thức theo quy định hiện hành.

Trong vòng 15 ngày kể từ khi Hội đồng nghiệm thu chính thức đánh giá, góp ý, Bên B có trách nhiệm hoàn thiện nộp cho Bên A sản phẩm đã được hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng.

i) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với đề tài đã kết thúc:

a) Khi đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì bên B có trách nhiệm báo cáo quyết toán tài chính thực hiện đề tài, sau khi nhận được báo cáo quyết toán, Bên A sẽ tiến hành thẩm định quyết toán và thanh lý Hợp đồng với Bên B.

b) Khi đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện được thanh toán.

2. Đối với đề tài không hoàn thành:

a) Trường hợp đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện Bên B không còn mà hai Bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai Bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đó triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b) Trường hợp đề tài không hoàn thành do một Bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện đề tài.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi Bên và hình thức xử lý.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng một trong hai Bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các Bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì có thể thỏa thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thỏa thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

**Vụ Tổng hợp
Vụ trưởng**

Bên A

**Văn phòng Ủy ban
Chánh Văn phòng**

**Đơn vị chủ trì
Vụ trưởng**

Bên B

Chủ nhiệm đề tài/dự án